TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST Ngày: 12-5-2023 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.
- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Phố T, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2022, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Chị Ngô Thị T trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và Anh Lê Minh Đ kết hôn với nhau vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới anh chị về sinh sống tại nhà chị ở Phố T, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

vợ chồng không hợp tính nhau trong nhiều lĩnh vực. Cuộc sống căng thẳng và ngột ngạt. Đến tháng 6 năm 2022 anh Đđã bỏ về nhà anh ở tại Thôn L, xã Đ. (Trước đó anh Đđã có vợ và 2 con nhưng đã ly hôn), kể từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân và gia đình không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thực sự sâu sắc không còn khả năng hàn gắn, Chị Tyêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lê Minh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Txác định chị và anh Đcó 01 con chung là cháu Lê Hồng Nhsinh ngày 12/8/2019. Hiện cháu đang ở cùng chị, nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh Đcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Anh Lê Minh Đ thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2023: Anh Đxác định lời khai của Chị Tvề thời điểm kết hôn và về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình về tình cảm, con chung là đúng sự thật. Tuy nhiên anh Đkhông muốn ly hôn vì thương con. Nếu Chị Tvẫn cương quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí. Về con chung: Anh nhất trí cho Chị Ttiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hồng Nhsinh ngày 12/8/2019 vì hiện nay điều kiện sức khỏe và kinh tế nên anh không thể nuôi được cháu cũng như không thể cấp dưỡng nuôi cháu cùng Chị Tđược.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án vì vậy Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ngô Thị T. Xử ly hôn giữa Chị Ngô Thị T và Anh Lê Minh Đ.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lê Hồng Nhsinh ngày 12/8/2019, hiện cháu đang ở với Chị Tcho Chị Ttiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tuyết.

3. Về án phí ly hôn: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Tvà anh Đlà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của Chị Tvà anh Đthường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh Đkhông muốn ly hôn với Chị Tlà vì thương con là lý do không có căn cứ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Tvới anh Đlà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Tvà anh Đcó 01 con chung là cháu Lê Hồng Nhsinh ngày 12/8/2019, nguyện vọng của Chị Txin nuôi cháu và không yêu cầu anh Đcấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay Chị Tkhỏe mạnh, có công việc ổn định, đảm bảo chăm lo cho cuộc sống của cháu Nhung, mặt khác anh Đcũng thừa nhận không đủ sức khỏe cũng như điều kiện kinh tế để nuôi con, anh đồng ý cho Chị Ttiếp tục nuôi cháu. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho các cháu nên tiếp tục giao cháu Lê Hồng Nhung, hiện nay cháu đang ở với Chị Tcho Chị Ttiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị T phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ngô Thị T. Xử ly hôn giữa Chị Ngô Thị T và Anh Lê Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hồng Nhsinh ngày 12/8/2019, hiện nay đang ở cùng Chị Tcho Chị Ttiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Đkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tuyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Tđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003765 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH